

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NAGAKAWA VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**Đã được soát xét bởi:
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN VIỆT**

HÀ NỘI, 2014

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2-4
Báo cáo kết quả công tác soát xét	5
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>	6-9
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	10
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	11-12
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	13-36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam (công ty mẹ) và công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn

Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam tiền thân là Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam thành lập và hoạt động theo Giấy phép đầu tư số 24/CP – VP ngày 22 tháng 08 năm 2002 do Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp. Công ty được chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam thành doanh nghiệp Việt Nam theo quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2007 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1903000273 ngày 21 tháng 3 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được cấp bổ sung 11 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về việc thay đổi vốn, cơ cấu vốn điều lệ của cổ đông sáng lập và bổ sung ngành nghề kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 số 2500217389 được phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 07 tháng 3 năm 2014.

Vốn điều lệ: 148.495.780.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
Điện thoại : 0211 873 568
Fax : 0211 873 569
E-mail : Info@nagakawa.com.vn
Mã số thuế : 2 5 0 0 2 1 7 3 8 9

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty CP Nagakawa Việt Nam tại Hà Nội	Số 10, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty CP Nagakawa Việt Nam tại Đà Nẵng	225 Hà Huy Tập, phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty CP Nagakawa Việt Nam tại TP Hồ Chí Minh	192/29 đường T5, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa	Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	Lắp đặt hệ thống điều hòa công trình dân dụng, công nghiệp	80%

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất đồ điện dân dụng;
- Sản xuất điều hòa không khí;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Sản xuất và mua bán máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Sản xuất và mua bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Sản xuất và mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Sản xuất và mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Sản xuất và mua bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 36).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Đức Khả	Chủ tịch
Ông Mai Thanh Phương	Phó Chủ tịch
Bà Đào Thị Soi	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Ủy viên
Ông Nguyễn Hồng Điệp	Ủy viên

Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2014

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Hải	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan	Thành viên
Bà Vũ Hải Yến	Thành viên
Bà Chu Thị Hữu	Thành viên

Miễn nhiệm ngày 03 tháng 4 năm 2014
Bổ nhiệm ngày 03 tháng 4 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Mai Thanh Phương	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2014
Ông Nguyễn Đức Khả	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2014
Ông Nguyễn Hồng Điệp	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2014
Bà Đào Thị Soi	Phó Tổng Giám đốc	

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Việt đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Phó Tổng Giám đốc



Đào Thị Soi

Ngày 21 tháng 8 năm 2014



INCREASING YOUR VALUE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Số : 32/2014.02/VPA-BCTC
Ngày : 21 tháng 8 năm 2014

Nơi nhận : **Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam**
Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**

Về việc : **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam, được lập ngày 21 tháng 8 năm 2014 từ trang 06 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hồng Thanh
GCNĐKHNTK số: 0053-2013-124-1

Kiểm toán viên

Trần Anh Tâm
GCNĐKHNTK số: 1802-2013-124-1

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Việt

Số 10, Ngõ 462, đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, Hà Nội

[T] (844) 6288 3366 [F] (844) 3761 5599 [E] vpa@vpaudit.vn

vpaudit.vn / vpaudit.net

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**(Dạng đầy đủ)****Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		231.541.905.056	236.572.214.023
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	6.704.745.653	2.942.762.492
1. Tiền	111		6.704.745.653	2.712.762.492
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	230.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.318.028.616	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	1.318.028.616	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		121.659.491.358	120.126.358.092
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	72.070.012.543	58.854.504.626
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	34.753.796.285	25.459.357.220
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	15.817.349.912	36.794.163.628
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(981.667.382)	(981.667.382)
IV. Hàng tồn kho	140		71.666.859.107	88.908.074.227
1. Hàng tồn kho	141	V.7	71.666.859.107	88.908.074.227
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		30.192.780.322	24.595.019.212
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	244.938.464	157.688.733
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		628.740.327	228.821.906
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	192.635.383	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	29.126.466.148	24.208.508.573

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		32.776.213.196	33.997.205.052
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		27.921.719.125	29.670.334.353
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	27.921.719.125	29.670.334.353
<i>Nguyên giá</i>	222		88.035.536.430	86.839.197.106
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(60.113.817.305)	(57.168.862.753)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228	V.12	133.962.600	133.962.600
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(133.962.600)	(133.962.600)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		4.174.251.826	4.174.251.826
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	4.174.251.826	4.174.251.826
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		680.242.245	152.618.873
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	671.913.046	93.701.001
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.15	8.329.199	58.917.872
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		264.318.118.252	270.569.419.075





CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		119.104.882.345	130.681.279.763
I. Nợ ngắn hạn	310		116.517.586.604	127.648.122.445
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	57.707.559.442	76.715.080.642
2. Phải trả người bán	312	V.17	19.551.584.625	6.575.385.040
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	24.788.969.482	31.536.894.432
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	12.192.219.533	10.664.759.348
5. Phải trả người lao động	315		411.850.143	434.688.344
6. Chi phí phải trả	316	V.20	512.849.303	1.061.052.289
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	1.295.031.043	602.739.317
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		57.523.033	57.523.033
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2.587.295.741	3.033.157.318
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	V.22	2.587.295.741	3.033.157.318
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		142.339.516.378	137.044.451.529
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	142.339.516.378	137.044.451.529
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		148.495.780.000	148.495.780.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.672.110.000	5.672.110.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(20.000)	(20.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.955.874.625	2.955.874.625
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		544.719.321	544.719.321
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(15.328.947.568)	(20.624.012.417)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.23	2.873.719.529	2.843.687.783
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		264.318.118.252	270.569.419.075

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		134.612.027	134.612.027
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		397,17	472,17
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Nguyễn Lan Phương

Kế toán trưởng

Huy Thị Dung

Lập ngày 21 tháng 8 năm 2014

Phó Tổng Giám đốc



Đào Thị Soi

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	123.009.250.734	115.436.806.180
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	800.055.757	1.567.229.968
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	122.209.194.977	113.869.576.212
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	106.461.203.223	94.849.592.402
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.747.991.754	19.019.983.810
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	70.263.246	137.221.121
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.197.799.897	10.349.129.470
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.068.177.343	10.248.248.060
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	1.528.270.941	1.651.107.800
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	6.486.501.312	5.425.255.613
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.605.682.850	1.731.712.048
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3.355.107.196	1.061.030.261
12. Chi phí khác	32	VI.8	276.668.310	55.695.090
13. Lợi nhuận khác	40		3.078.438.886	1.005.335.171
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.684.121.736	2.737.047.219
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	1.308.436.468	254.732.441
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	50.588.673	12.896.906
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.325.096.595	2.469.417.872
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		30.031.746	53.443.548
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		5.295.064.849	2.415.974.324
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	357	163

Lập ngày 21 tháng 8 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Lan Phương

Huy Thị Dung



Đào Thị Soi

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.684.121.736	2.737.047.219
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		3.577.582.751	4.040.457.675
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(26.972.452)	(130.572.875)
- Chi phí lãi vay	06		4.068.177.343	10.248.248.060
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		14.302.909.378	16.895.180.079
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(30.033.218.154)	(12.019.494.645)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		17.241.215.120	(10.125.598.615)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		6.404.420.546	26.999.518.117
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(665.461.776)	235.334.332
- Tiền lãi vay đã trả	13		(4.240.559.506)	(6.878.595.079)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		33.017.327.815	36.974.264.942
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(30.947.133.887)	(18.358.585.772)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.079.499.536	33.722.023.359
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.094.574.779)	(38.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		227.272.727	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.318.028.616)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		21.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		65.306.981	130.572.875
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		17.879.976.313	92.572.875

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		62.397.637.995	53.629.070.971
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(81.405.159.195)	(89.170.028.570)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(189.971.488)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(19.197.492.688)	(35.540.957.599)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		3.761.983.161	(1.726.361.365)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.942.762.492	3.960.294.739
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		6.704.745.653	2.233.933.374

Người lập biểu

Nguyễn Lan Phương

Kế toán trưởng

Huy Thị Dung

Lập ngày 21 tháng 8 năm 2014



Phó Tổng Giám đốc

Đào Thị Soi

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam (Công ty mẹ) và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại
- Hoạt động kinh doanh trong kỳ** : Sản xuất đồ điện dân dụng và điều hòa không khí
- Tổng số các công ty con** : 01
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp thực tế</i>	<i>Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa	Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	80%	80%

6. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp thực tế</i>	<i>Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển hạ tầng Nagakawa	Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	100%	28%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	6 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Tài sản cố định khác	3

8. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy vi tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao 03 năm.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh trong kỳ.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Các khoản dự phòng phải trả

Chi phí bảo hành sản phẩm

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại sản phẩm có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty mẹ được ước tính bằng 1% trên doanh thu thuần đối với sản phẩm là điều hòa nhiệt độ và 0,5% trên doanh thu đối với hàng gia dụng và được thực hiện vào cuối năm tài chính.

12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

13. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Tại Công ty mẹ

Theo giấy chứng nhận đầu tư số 19121000057 ngày 26 tháng 11 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Công ty tiếp tục được hưởng các ưu đãi theo Giấy phép đầu tư số 24/GP – VP ngày 22 tháng 08 năm 2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh cấp cho Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam. Trong 12 năm đầu tiên kể từ khi dự án bắt đầu sản xuất kinh doanh thuế suất là 15%. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo.

Năm 2014 là năm tài chính thứ 13 của dự án tính từ thời điểm dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy phép đầu tư số 24/GP-VP ngày 22/8/2002 và là năm tài chính thứ 09 Công ty có thu nhập chịu thuế. Do đó từ năm 2014 Công ty không còn được hưởng các ưu đãi theo Giấy phép đầu tư số 24/GP – VP ngày 22 tháng 08 năm 2002.

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Tại Công ty con

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển kỹ thuật Nagakawa Việt Nam nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ chưa được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tập đoàn không thực hiện đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Việc đánh giá này sẽ được thực hiện vào thời điểm kết thúc năm tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	2.005.544.640	1.677.970.664
Tiền gửi ngân hàng	4.699.201.013	985.791.828
Tiền đang chuyển	-	49.000.000
Các khoản tương đương tiền	-	230.000.000
Cộng	6.704.745.653	2.942.762.492

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư ngắn hạn khác	1.318.028.616	-
- Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm	1.318.028.616	-
Cộng	1.318.028.616	-

3. Phải thu khách hàng

Chi tiết theo đơn vị:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Văn phòng Công ty mẹ	46.648.457.800	33.815.842.173
Chi nhánh Công ty mẹ tại Hà Nội	7.378.964.870	6.061.499.392
Chi nhánh Công ty mẹ tại Đà Nẵng	1.680.739.824	699.536.024
Chi nhánh Công ty mẹ tại TP. Hồ Chí Minh	801.333.076	707.118.200
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa	15.560.516.973	17.570.508.837
Cộng	72.070.012.543	58.854.504.626

4. Trả trước cho người bán

Chi tiết theo đơn vị:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Văn phòng Công ty mẹ	21.262.630.407	20.119.849.200
Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	419.390.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa	13.071.775.878	5.339.508.020
Cộng	34.753.796.285	25.459.357.220

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**5. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ (*)	15.791.875.000	36.791.875.000
Phải thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	15.475.002	-
Các khoản phải thu khác	9.999.910	2.288.628
Cộng	15.817.349.912	36.794.163.628

(*): Là khoản phải thu về tiền thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư khai thác mỏ cao lanh Cao Bằng. Số đã thu được đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 21.000.000.000 VND.

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Là khoản dự phòng nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và khó có khả năng thu hồi.

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	12.085.120.593	12.076.902.785
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.589.923.408	27.230.617.551
Thành phẩm	8.156.473.618	10.804.337.322
Hàng hóa	39.158.692.519	36.119.567.600
Hàng gửi đi bán	2.676.648.969	2.676.648.969
Cộng	71.666.859.107	88.908.074.227

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê văn phòng	5.000.000	35.028.182
Giá trị CCDC xuất dùng	8.696.763	7.654.264
Chi phí bảo trì, sửa chữa phần mềm	-	7.000.000
Chi phí bảo hiểm tài sản	9.116.136	33.766.288
Tiền thuê đất và thuế đất	161.302.645	-
Chi phí trả trước khác	60.822.920	74.239.999
Cộng	244.938.464	157.688.733

9. Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế nhập khẩu nộp trước	91.731.135	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu nộp trước	100.904.248	-
Cộng	192.635.383	-

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	27.988.775.742	21.030.655.985
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.137.690.406	3.177.852.588
Cộng	29.126.466.148	24.208.508.573

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	22.004.035.994	60.003.262.562	4.601.212.633	187.107.280	43.578.637	86.839.197.106
Tăng do XDCB hoàn thành	2.094.574.779	-	-	-	-	2.094.574.779
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	-	(898.235.455)	-	-	(898.235.455)
Số cuối kỳ	24.098.610.773	60.003.262.562	3.702.977.178	187.107.280	43.578.637	88.035.536.430
<i>Trong đó:</i>						
Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	1.295.250.622	4.669.158.706	3.135.616.298	187.107.280	43.578.637	9.300.211.543
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	10.197.926.374	42.627.937.601	4.112.312.861	187.107.280	43.578.637	57.168.862.753
Tăng do trích khấu hao	588.622.625	2.875.319.695	113.640.431	-	-	3.577.582.751
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	-	(632.628.199)	-	-	(632.628.199)
Số cuối kỳ	10.786.548.999	45.503.257.296	3.593.325.093	187.107.280	43.578.637	60.113.817.305
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	11.806.109.620	17.375.324.961	488.899.772	-	-	29.670.334.353
Số cuối kỳ	13.312.061.774	14.500.005.266	109.652.085	-	-	27.921.719.125

Một số tài sản có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 85.644.673.175 VND và 27.812.087.847 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải – Chi nhánh Đồng Đa.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Là phần mềm máy vi tính có nguyên giá 133.962.600 VND, thời gian khấu hao 03 năm, đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Tỷ lệ theo</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Tỷ lệ theo</u>	<u>Giá trị</u>
	<u>Giấy</u>		<u>Giấy</u>	
	CNĐKKD		CNĐKKD	
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Nagakawa ^(a)	28%	4.174.251.826	28%	4.174.251.826

^(a) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Nagakawa với tỷ lệ cổ phần sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 28%. Tập đoàn đã góp đủ vốn theo cam kết, tỷ lệ cổ phần sở hữu thực tế là 100% do các cổ đông khác chưa góp vốn điều lệ. Khoản đầu tư này được điều chỉnh để ghi nhận theo phương pháp vốn chủ như sau:

Tỷ lệ vốn góp thực tế tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014	100%
Vốn góp đến ngày 30 tháng 6 năm 2014	5.040.000.000
Giảm giá trị khoản đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu	(865.748.174)
Giá trị khoản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	4.174.251.826

14. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	112.320.689	74.159.269
Phí thiết kế thi công hạng mục nhà xưởng	17.654.268	18.883.408
Chi phí cải tạo sửa chữa nhà máy	433.387.948	-
Chi phí quảng cáo	73.870.967	-
Chi phí sửa chữa xe	34.679.174	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	658.324
Cộng	671.913.046	93.701.001

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong kỳ liên quan đến lãi nội bộ tập đoàn trong hàng tồn kho chưa thực hiện, chi tiết:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	58.917.872	69.330.574
Phát sinh trong kỳ	8.329.199	56.433.668
Hoàn nhập trong kỳ	(58.917.872)	(69.330.574)
Số cuối kỳ	8.329.199	56.433.668

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**17. Phải trả người bán**

<i>Chi tiết theo đơn vị:</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Văn phòng Công ty mẹ	18.160.147.944	4.631.337.654
Chi nhánh Công ty mẹ tại Hà Nội	53.855.933	185.979.933
Chi nhánh Công ty mẹ tại Đà Nẵng	11.598.016	9.502.424
Chi nhánh Công ty mẹ tại TP Hồ Chí Minh	-	461.472.829
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển kỹ thuật Nagakawa	1.325.982.732	1.287.092.200
Cộng	19.551.584.625	6.575.385.040

18. Người mua trả tiền trước

<i>Chi tiết theo đơn vị:</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Văn phòng Công ty mẹ	11.838.824.394	26.561.667.779
Chi nhánh Công ty mẹ tại Hà Nội	430.400	28.265.242
Chi nhánh Công ty mẹ tại Đà Nẵng	87.260.400	13.966.900
Chi nhánh Công ty mẹ tại TP Hồ Chí Minh	54.000.000	376.718.627
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa	12.808.454.288	4.556.275.884
Cộng	24.788.969.482	31.536.894.432

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.328.848.575	4.628.081.335
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	111.323.141	222.318.314
Thuế tiêu thụ đặc biệt	4.091.350.556	4.694.443.789
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế TNDN	2.168.888.981	860.452.513
Thuế thu nhập cá nhân	53.650.302	43.910.708
Thuế nhà đất tiền thuê đất	391.105.378	215.552.689
Các khoản phải nộp khác	47.052.600	-
Cộng	12.192.219.533	10.664.759.348

20. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	-	172.382.163
Chi phí phải trả trạm bảo hành ủy quyền	-	330.402.000
Chi phí vận chuyển	-	89.900.000
Chi phí thầu phụ trích trước	242.764.757	468.368.126
Chi phí phải trả lưu cont hàng máy ĐHKK	180.000.000	-
Chi phí phải trả tiền thuê kho	90.084.546	-
Cộng	512.849.303	1.061.052.289

482-C
 S TY
 M HỮU H
 TOÁN
 VIỆT
 TP. H

M.S.A
 ★
 J.L

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	61.270.612	146.198.335
Bảo hiểm y tế	6.661.259	19.727.790
Bảo hiểm thất nghiệp	9.587.847	11.554.210
Vay cá nhân không tính lãi suất	1.200.000.000	-
Lợi nhuận còn lại của Công ty liên doanh	-	96.918.688
Cổ tức năm 2007 còn phải trả cổ đông	-	93.052.800
Phải trả khác	17.511.325	235.287.494
Cộng	<u>1.295.031.043</u>	<u>602.739.317</u>

22. Dự phòng phải trả dài hạn

Là dự phòng phải trả dài hạn cho hoạt động bảo hành sản phẩm tiêu thụ. Chi tiết phát sinh trong kỳ của khoản dự phòng phải trả dài hạn như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	3.033.157.318	2.290.027.454
Tăng do trích lập trong kỳ	-	-
Số đã sử dụng trong kỳ	(445.861.577)	(1.132.869.760)
Số cuối kỳ	<u>2.587.295.741</u>	<u>1.157.157.694</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

23. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ Đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	148.495.780.000	5.672.110.000	(20.000)	2.955.874.625	544.719.321	(21.826.210.511)	135.842.253.435
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	1.202.198.094	1.202.198.094
Số dư cuối năm trước	148.495.780.000	5.672.110.000	(20.000)	2.955.874.625	544.719.321	(20.624.012.417)	137.044.451.529
Số dư đầu năm nay	148.495.780.000	5.672.110.000	(20.000)	2.955.874.625	544.719.321	(20.624.012.417)	137.044.451.529
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	5.295.064.849	5.295.064.849
Số dư cuối kỳ	148.495.780.000	5.672.110.000	(20.000)	2.955.874.625	544.719.321	(15.328.947.568)	142.339.516.378

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	148.495.780.000	148.495.780.000
Thặng dư vốn cổ phần	5.672.110.000	5.672.110.000
Cổ phiếu quỹ	(20.000)	(20.000)
Cộng	154.167.870.000	154.167.870.000

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.849.578	14.849.578
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.849.578	14.849.578
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.849.578	14.849.578
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(2)	(2)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.849.576	14.849.576
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.849.576	14.849.576

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phần.

24. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.843.687.783	2.736.457.298
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	30.031.746	53.443.548
Số cuối kỳ	2.873.719.529	2.789.900.846

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	123.009.250.734	115.436.806.180
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	91.977.157.658	111.120.323.657
Doanh thu cung cấp dịch vụ	31.032.093.076	4.316.482.523
Các khoản giảm trừ doanh thu	800.055.757	1.567.229.968
Hàng bán bị trả lại	659.556.990	512.124.931
Thuế tiêu thụ đặc biệt	(3.093.233)	1.055.105.037
Chiết khấu thương mại	143.592.000	-
Doanh thu thuần	122.209.194.977	113.869.576.212

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã cung cấp	79.495.646.610	91.101.390.955
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	26.965.556.613	3.748.201.447
Cộng	106.461.203.223	94.849.592.402

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	65.306.981	130.572.875
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.956.265	6.648.246
Cộng	70.263.246	137.221.121

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	4.068.177.343	10.248.248.060
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	129.622.554	100.881.410
Cộng	4.197.799.897	10.349.129.470

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.055.542.499	412.630.120
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	41.712.519	1.828.083
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.779.455	18.608.476
Chi phí bảo hành	50.548.000	206.710.073
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.502.460	444.170.637
Chi phí bằng tiền khác	358.186.008	567.160.411
Cộng	1.528.270.941	1.651.107.800

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.082.876.920	3.104.473.393
Chi phí vật liệu quản lý	3.958.336	10.708.798
Chi phí đồ dùng văn phòng	74.434.017	57.808.236
Chi phí khấu hao TSCĐ	637.012.612	312.089.759
Thuế, phí và lệ phí	226.458.890	21.261.622
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.183.486.445	1.615.888.285
Chi phí bằng tiền khác	278.274.092	303.025.520
Cộng	6.486.501.312	5.425.255.613

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ nhượng bán tài sản cố định	227.272.727	-
Thu cho thuê văn phòng	3.030.000.000	1.061.000.000
Thu nhập khác	97.834.469	30.261
Cộng	3.355.107.196	1.061.030.261

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán	265.607.256	-
Chi phí khác	11.061.054	55.695.090
Cộng	276.668.310	55.695.090

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.308.436.468
<i>Chi phí thuế TNDN tại Công ty mẹ</i>	<i>1.265.699.605</i>
<i>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển kỹ thuật Nagakawa</i>	<i>42.736.863</i>
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.308.436.468

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	50.588.673	12.896.906

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.295.064.849	2.415.974.324
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.295.064.849	2.415.974.324
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	14.849.576	14.849.576
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	357	163

482-C
G TY
HỮU H
TOÁN
VIỆ
TP

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	14.849.576	14.849.576
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tăng thêm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	14.849.576	14.849.576

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị		
Chi tạm ứng đầu tư	-	1.500.000.000
Thu tạm ứng đầu tư	250.000.000	1.700.000.000
Tạm ứng hoạt động khác	-	63.131.558
Hoàn tạm ứng hoạt động khác	84.909.990	45.364.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ phải thu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hội đồng quản trị tạm ứng	20.588.020.140	20.922.930.130
Phải thu tiền tạm ứng	20.588.020.140	20.922.930.130

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thưởng	290.442.307	343.800.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ	Cổ đông chính
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Nagakawa	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong kỳ giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ		
Phải thu tiền bán hàng	18.099.930.904	11.585.894.961
+ Giá trị chưa thuế	16.454.482.635	10.532.631.777
+ Thuế GTGT đầu ra	1.645.448.269	1.053.263.184
Phải thu tiền cho thuê kho	90.000.000	-
+ Giá trị chưa thuế	81.818.182	-
+ Thuế GTGT đầu ra	8.181.818	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Mua hàng	1.050.610.000	128.226.780
+ Giá trị chưa thuế	955.100.000	116.569.800
+ Thuế GTGT đầu vào	95.510.000	11.656.980
Thu tiền bán hàng	17.122.410.263	11.063.654.500
Trả tiền mua hàng	2.808.000.000	380.000.000
Bù trừ công nợ	896.475.717	-
Thu lại tiền hợp tác đầu tư	21.000.000.000	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ của Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ	38.574.390.945	57.645.956.021
Phải thu tiền bán hàng	21.025.125.945	20.854.081.021
Trong đó:		
Phải thu của Công ty mẹ	20.261.395.675	19.953.765.971
Phải thu của IDT	763.730.270	900.315.050
Ứng trước tiền hàng	1.757.390.000	-
Phải thu do thanh lý Hợp đồng Hợp tác đầu tư	15.791.875.000	36.791.875.000
Cộng nợ phải thu	38.574.390.945	57.645.956.021

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ	-	896.475.717
Phải trả tiền mua hàng của IDT	-	896.475.717
Cộng nợ phải trả	-	896.475.717

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở khu vực Miền Bắc, khu vực Miền Trung và khu vực Miền Nam.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Tập đoàn như sau:

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

32

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Tập đoàn như sau:

Số cuối kỳ	Khu vực Miền Bắc		Khu vực Miền Trung		Khu vực Miền Nam		Các khoản loại trừ		Cộng
Tài sản trực tiếp của bộ phận	323.048.739.849		3.780.843.746		11.854.627.874		(74.366.093.217)		264.318.118.252
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-		-		-		-		-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận									-
Tổng tài sản									264.318.118.252
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	169.564.245.779		3.107.423.806		10.302.830.764		(63.869.618.004)		119.104.882.345
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-		-		-		-		-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận									-
Tổng nợ phải trả									119.104.882.345

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

1. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.704.745.653	2.942.762.492	6.704.745.653	2.942.762.492
Phải thu khách hàng	71.088.345.161	57.872.837.244	71.088.345.161	57.872.837.244
Các khoản phải thu khác	44.943.816.060	61.002.672.201	44.943.816.060	61.002.672.201
Cộng	122.736.906.874	121.818.271.937	122.736.906.874	121.818.271.937
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	57.707.559.442	76.715.080.642	57.707.559.442	76.715.080.642
Phải trả người bán	19.551.584.625	6.575.385.040	19.551.584.625	6.575.385.040
Các khoản phải trả khác	4.807.026.230	5.131.637.268	4.807.026.230	5.131.637.268
Cộng	82.066.170.297	88.422.102.950	82.066.170.297	88.422.102.950

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Tập đoàn ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tập đoàn nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	57.707.559.442	-	-	57.707.559.442
Phải trả người bán	19.551.584.625	-	-	19.551.584.625
Chi phí phải trả	512.849.303	-	-	512.849.303
Các khoản phải trả khác	1.706.881.186	2.587.295.741	-	4.294.176.927
Cộng	79.478.874.556	2.587.295.741	-	82.066.170.297
Số đầu năm				
Vay và nợ	76.715.080.642	-	-	76.715.080.642
Phải trả người bán	6.575.385.040	-	-	6.575.385.040
Chi phí phải trả	1.061.052.289	-	-	1.061.052.289
Các khoản phải trả khác	1.037.427.661	3.033.157.318	-	4.070.584.979
Cộng	85.388.945.632	3.033.157.318	-	88.422.102.950

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 đã được kiểm toán và số liệu so sánh cùng kỳ năm trước được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Việt.

Lập ngày 21 tháng 8 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Lan Phương

Huy Thị Dung

Đào Thị Soi

